

Bài 1: Sắp xếp các bước sau theo trình tự tra cứu nghĩa của từ *đọc* trong từ điển.

a. Tìm từ *đọc*.

b. Tìm mục từ bắt đầu bằng chữ Đ.

c. Chọn từ điển phù hợp.

d. Đọc ví dụ để hiểu thêm ý nghĩa và cách dùng từ *đọc*.

e. Đọc nghĩa của từ *đọc*.

Bài 2. Đọc các thông tin về từ **đọc** trong từ điển dưới đây và trả lời câu hỏi.

a. Từ **đọc** là danh từ, động từ hay tính từ?

b. Nghĩa gốc của từ **đọc** là nghĩa mấy?

c. Từ **đọc** có mấy nghĩa chuyển?

d. Nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ **đọc** sắp xếp như thế nào?

Động từ

Ví dụ về cách dùng từ

đọc (đt) 1. Phát thành lời những điều đã được viết ra theo đúng trình tự. **Đọc bài thơ. Đọc thuộc lòng.** 2. Tiếp nhận nội dung của một tập hợp kí hiệu bằng cách nhìn vào các kí hiệu: **Đọc bản thiết kế.** 3. Thu lấy thông tin từ một thiết bị lưu trữ của máy tính (như đĩa từ, đĩa CD, v.v.): **Đĩa bị lỗi nên không đọc được.** 4. Hiểu rõ điều gì bằng cách nhìn vào những biểu hiện bên ngoài: **Đọc được suy nghĩ của người khác.**

Nghĩa thứ nhất (nghĩa gốc)

(Theo Thành Yển, Từ điển tiếng Việt dành cho học sinh)



LIVEWORKSHEETS

Bài 3. Tra cứu nghĩa của các từ dưới đây.

Gợi ý: Sử dụng từ điển trực tuyến

Tạo mã qr cho mỗi từ

học tập

tập trung

trôi chảy

Bài 4. Đặt câu với 1 nghĩa chuyển của mỗi từ ở bài tập 3.